

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Thị Ngọc Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Ông Hồ Lê Hưng

*Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi làm việc: Đường X1, phường Y1, quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh

(Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D có mặt, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại Đơn khởi kiện ngày 23/12/2020, bản tự khai và tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đại tự nguyện kết hôn và sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50/1999, quyển số 01-P17, ngày 25/6/1999.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà D và ông Đ chung sống với nhau tại địa chỉ: 83 đường Tây Sơn, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về vấn đề tài chính, không tìm được tiếng nói chung. Bà D và ông Đ đã cùng nhau ngồi lại nói chuyện, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bà D và ông Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà D xác định không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Thị D xác nhận bà và ông Nguyễn Văn Đ có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 03/4/2000 (đã trưởng thành và phát triển bình thường) và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 02/8/2008. Bà D xin trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 02/8/2008, bà D không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D khai bà và ông Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung trong vụ án này.

+ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D khai bà và ông Nguyễn Văn Đ không có nợ chung.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có bản tự khai ngày 12/5/2021 và có đơn xin vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử trình bày nội dung như sau:*

Bà D yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông là người đạo Thiên chúa nên không được phép ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 03/4/2000 (đã trưởng thành và phát triển bình thường) và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 02/8/2008. Con theo ai cũng được, ông Đ không có ý kiến.

Về tài sản chung: Ông Đ trình bày ông không có ý kiến về tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Đ trình bày ông và bà D không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung trình bày.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nên cần khắc phục.

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện ngày 23/12/2020 của bà D yêu cầu ly hôn với ông Đ, nguyên đơn và bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách pháp lý: Nguyên đơn, bị đơn xác định mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục, xử lý đơn khởi kiện và gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát: Tòa án đã chấp hành đúng quy định.

Về điều tra, thu thập chứng cứ: Tòa án đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 50 quyển số 01 ngày 25/6/1999 do Ủy ban nhân dân phường 17, quận Tân Bình cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà D nhận thấy vợ chồng không thể chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Ông Đ không muốn ly hôn vì lý do ông là người công giáo không được phép ly hôn nhưng ông không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Tình cảm vợ chồng dựa trên các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình theo Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là: “Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm,

chăm sóc, giúp đỡ nhau....”. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông Đ thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông Đ.

Về quan hệ con chung: Có hai con chung, Nguyễn Tuấn K sinh ngày 03/4/2000 đã trưởng thành, trẻ Nguyễn Ngọc Anh T sinh ngày 02/8/2008 do bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hiện nay trẻ đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý đặc biệt vì vậy để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của trẻ nên giao trẻ Thư cho bà D nuôi dưỡng. Ông Đ được hoãn cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung: Ông Đ và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: ông Đ và bà D khai không có nên không xem xét.

Bởi các lẽ trên, căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông Đ
- Về quan hệ con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà D về con chung
- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết
- Về án phí: Bà D phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 50/1999, quyển số 01-P17, ngày 25/6/1999 của Ủy ban nhân dân phường 17, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, thì quan hệ giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ là quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận. Căn cứ Đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ xác minh của Công an phường Tân Quý và Công an phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì: bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có địa chỉ hộ khẩu tại đường X, phường Y, quận Z và có địa chỉ nơi làm việc là tại đường X1, phường Y1, quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có địa chỉ nơi làm việc tại phường Y1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn và sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn bà D và ông Đ sống chung với nhau tại địa chỉ: 83 Tây Sơn, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, chi tiêu trong gia đình, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa bà D và ông Đ ngày càng trầm trọng, cả hai không thể hòa giải được với nhau dẫn đến không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, khiến cho tình cảm giữa bà D và ông Đ ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 1 năm 2021 cho đến nay thì bà D và ông Đ đã sống ly thân, không còn liên lạc hay thăm hỏi chăm sóc lẫn nhau. Ông Đ không về nhà và cũng không thể hiện sự cố gắng hòa giải để đoàn tụ gia đình.

Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã có bản tự khai trình bày là ông không đồng ý ly hôn với bà D vì ông là người theo đạo Thiên chúa nên không thể ly hôn và ông xin vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử của Tòa án. Những việc này thể hiện bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã không còn thiết

tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc với bà D.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông Đ là trầm trọng, không thể hàn gắn được, do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tuấn Khôi, sinh ngày 03/4/2000 và Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 02/8/2008. Đối với con chung Nguyễn Tuấn Khôi đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 02/8/2008 hiện đang do bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 02/8/2008, Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Anh Thư hiện đang do mẹ là bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trẻ khỏe mạnh và phát triển bình thường, hơn nữa, ông Nguyễn Văn Đ cũng không có ý kiến, không có tranh chấp gì về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 02/8/2008 là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung và quyền và nghĩa vụ đối với con chung:

Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[2.4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D khai tự thỏa thuận với ông Nguyễn Văn Đ về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ xác nhận bà D và ông Đ không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về các vấn đề khác: Hội đồng xét xử xét thấy cần giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm do bà Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 50/1999, quyển số 01-P17, ngày 25/6/1999 của Ủy ban nhân dân phường 17, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Đối với Nguyễn Tuấn Khôi, sinh ngày 03/4/2000, đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét

Giao con chung Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 02/8/2008 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Văn Đ do bà Nguyễn Thị D không yêu cầu.

[5] Về quyền và nghĩa vụ đối với con chung:

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ xác nhận bà D và ông Đ không có nợ chung.

[8] Về các vấn đề khác: Giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trong vụ án dân sự khác.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị D phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0071594 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:



Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**Tô Thị Ngọc Phượng**